

Số: 186/BC-KTĐBCL&TTGD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
về kết quả khảo sát ý kiến đánh giá khóa học
của sinh viên đại học khóa 06

Kính gửi: Ban Giám hiệu;
Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường.

Thực hiện Kế hoạch số 1019/KH-TĐHTPHCM ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2021-2022;

Căn cứ các phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp về việc đánh giá khóa học, Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục xin được báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến như sau:

I. Mục đích khảo sát

Khảo sát ý kiến đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp nhằm mục tiêu đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động.

II. Quá trình thực hiện

1. Đối tượng và phạm vi khảo sát

- Đối tượng: khảo sát sinh viên đại học khóa 06 trước khi tốt nghiệp.
- Phạm vi khảo sát: sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo và các tiêu chí quan trọng giúp sinh viên ra trường tìm được việc làm

2. Phương pháp

Phòng KTĐBCL&TTGD triển khai lấy ý kiến phản hồi bằng cách sử dụng Phiếu khảo sát trực tuyến được đăng trên fanpage và website của Phòng KTĐBCL&TTGD, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh: <https://forms.gle/Sv2ppvYrSwYRhvdHA>

Phòng KTĐBCL&TTGD ra thông báo về việc thực hiện Phiếu đánh giá khóa học kèm theo thông báo nộp chứng chỉ Tiếng Anh và Tin học để xét tốt nghiệp.

3. Thời gian khảo sát: từ 05/3/2021 - 16/8/2021

III. Thống kê kết quả

1. Cách thống kê kết quả

Phiếu khảo sát gồm 36 câu hỏi, bao gồm 06 nội dung: (1) Mục tiêu và chương trình đào tạo; (2) Đội ngũ giảng viên; (3) Kiểm tra, đánh giá; (4) Đáp ứng của khóa học; (5) Quản lý và phục vụ đào tạo; (6) Sinh hoạt và đời sống

- Mỗi câu hỏi có 5 mức đánh giá, được ký hiệu các số tương ứng từ 1 – 5:

1. Rất không đồng ý
2. Không đồng ý
3. Phân vân
4. Đồng ý
5. Hoàn toàn đồng ý

2. Cách xử lý kết quả

Dữ liệu khảo sát sẽ được nhập và xử lý số liệu bằng Google Drive và Excel. Do chương trình thực hiện lấy ý kiến là khảo sát trực tuyến, nên toàn bộ dữ liệu thu về đều phục vụ cho việc đánh giá và không có dữ liệu bị lỗi.

3. Kết quả khảo sát

a, Tỷ lệ phần trăm (%) các ý kiến khảo sát từng khoa sẽ được trình bày trong Phần phụ lục của Báo cáo này:

Phụ lục 1: Khoa Địa chất và Khoáng sản

Phụ lục 2: Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục 3: Khoa Hệ thống thông tin và Viễn thám

Phụ lục 4: Khoa Môi trường

Phụ lục 5: Khoa Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Phụ lục 6: Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý

Phụ lục 7: Khoa Quản lý đất đai

Phụ lục 8: Khoa Tài nguyên nước

Phụ lục 9: Khoa Quản lý Tài nguyên biển và hải đảo

b, Tỷ lệ phần trăm (%) các ý kiến khảo sát chung toàn trường (bao gồm 558 sinh viên tham gia khảo sát) như sau:

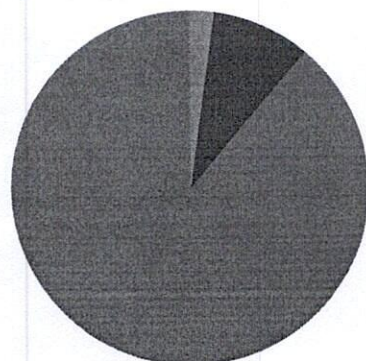
Mục tiêu và chương trình đào tạo		1	2	3	4	5
1.	Ngành học có mục tiêu rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội	4,5	0,9	4,5	57,7	32,4
2.	Chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên	3,9	0,9	7,0	58,4	29,7
3.	Nội dung chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải	4,3	0,7	4,5	59,3	31,2
4.	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	4,1	2,3	9,5	55,6	28,5
5.	Sinh viên được cung cấp đủ thông tin về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo	4,3	1,1	5,2	59,0	30,5
Trung bình		4,2	1,2	6,1	58,0	30,5
Đội ngũ giảng viên		1	2	3	4	5
6.	Hầu hết các giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt	3,8	0,4	3,6	55,9	36,4
7.	Hầu hết các giảng viên cập nhật nội dung giảng dạy mới, phù hợp với thực tiễn	3,6	1,3	5,2	54,2	35,7
8.	Hầu hết các giảng viên có phương pháp sư phạm tốt	3,8	0,7	4,8	56,4	34,3
9.	Hầu hết các giảng viên đều nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên	3,8	1,1	4,8	54,2	36,1
10.	Hầu hết các giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	3,8	0,2	3,4	55,2	37,5
11.	Sinh viên được cung cấp/giới thiệu đầy đủ các tài liệu học tập và tham khảo	3,8	0,2	3,4	57,9	34,8
Trung bình		3,7	0,6	4,2	55,6	35,8
Kiểm tra, đánh giá		1	2	3	4	5

12.	Sử dụng đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá môn học	3,9	0,7	5,4	60,4	29,6
13.	Các kỳ thi, kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan	4,1	0,9	4,1	59,5	31,4
14.	Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thiết kế rõ ràng, phù hợp	3,6	0,9	4,1	60,8	30,6
	Trung bình	3,9	0,8	4,5	60,2	30,5
Đáp ứng của khóa học		1	2	3	4	5
15.	Khóa học đáp ứng được các mục tiêu của ngành đào tạo	3,4	0,7	5,6	60,4	29,9
16.	Khóa học cung cấp cho sinh viên đầy đủ những kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp, cập nhật	3,6	1,4	6,6	60,4	28,0
17.	Khóa học cung cấp cho sinh viên đầy đủ những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp	3,6	1,4	7,9	59,0	28,1
18.	Khóa học giúp sinh viên phát triển nhân cách, đạo đức nghề nghiệp	3,6	0,5	5,4	60,0	30,5
19.	Khóa học cung cấp cho sinh viên khả năng nghiên cứu cần thiết cho nghề nghiệp	3,6	0,5	6,3	60,9	28,7
20.	Sinh viên tự tin về khả năng đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp	3,6	2,0	9,5	57,5	27,4
	Trung bình	3,6	1,1	6,9	59,7	28,8
Quản lý và phục vụ đào tạo		1	2	3	4	5
21.	Công tác tổ chức đào tạo của Khoa, Trường tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên	3,9	1,6	10,0	62,2	22,2
22.	Sinh viên được cung cấp/phổ biến đầy đủ về các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường	3,9	0,4	7,9	63,4	24,4
23.	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập linh hoạt	4,1	1,8	8,8	60,6	24,7
24.	Kết quả học tập của sinh viên được thông báo chính xác, kịp thời	4,8	4,3	13,4	54,3	23,1
25.	Hệ thống cố vấn, tư vấn, hỗ trợ quá trình học tập đáp ứng nhu cầu sinh viên	4,3	2,0	11,6	57,0	25,1
26.	Khoa/Trường có các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên	4,1	2,7	12,9	57,0	23,3
27.	Cán bộ nhân viên văn phòng có thái độ phục vụ tốt với sinh viên	4,5	3,2	12,7	56,8	22,8
28.	Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo cho hầu hết các môn học	4,1	2,3	14,2	57,2	22,2

29.	Phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm đáp ứng nhu cầu sinh viên	4,7	2,2	17,4	54,7	21,1
30.	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu của sinh viên	5,4	5,4	20,3	49,3	19,7
31.	Hệ thống máy tính, mạng internet, wifi của Trường đáp ứng nhu cầu của sinh viên	7,0	7,0	16,5	48,7	20,8
Trung bình		4,6	3,0	13,2	56,5	22,7
Sinh hoạt và đời sống		1	2	3	4	5
32.	Sinh viên được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, y tế và an toàn, an ninh trong khuôn viên trường	3,6	-	9,3	62,0	25,1
33.	Sinh viên được tạo điều kiện hoạt động phong trào, luyện tập văn nghệ, thể dục thể thao	3,8	1,6	13,3	59,0	22,4
34.	Khoa/Trường thường xuyên tuyên truyền, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống lành mạnh cho sinh viên	3,6	1,4	12,0	59,7	23,3
35.	Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu ăn, ở và sinh hoạt của sinh viên	4,5	3,0	15,4	56,3	20,8
36.	Các hoạt động Đoàn, Hội có tác dụng tốt, thiết thực	3,9	2,2	13,3	57,3	23,3
Trung bình		3,9	1,6	12,7	58,9	23,0

Tỷ lệ thời gian tham dự lớp cho toàn bộ khóa học

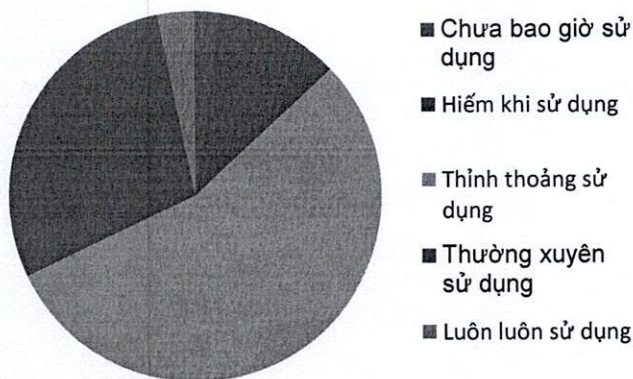
Nội dung	Tỷ lệ %
Dưới 50%	-
Từ 50% - 65%	-
Từ 65% - 80%	2,2
Từ 80% - 90%	9
Từ 90% trở lên	88,9



- Dưới 50%
- Từ 50% - 65%
- Từ 65% - 80%
- Từ 80% - 90%
- Từ 90% trở lên

Tần suất sử dụng Thư viện/tài liệu từ Thư viện của Trường

Mức độ	Tỷ lệ %
Chưa bao giờ sử dụng	2,2
Hiếm khi sử dụng	10,8
Thỉnh thoảng sử dụng	55,0
Thường xuyên sử dụng	28,9
Luôn luôn sử dụng	3,2



Cảm nhận về chất lượng đào tạo của khóa học

Mức độ	Tỷ lệ %
Rất hài lòng	30,3
Hài lòng	60,2
Tạm hài lòng	9,0
Không hài lòng	0,5

Cảm nhận về chất lượng môi trường học tập và sinh hoạt tại Trường

Mức độ	Tỷ lệ %
Rất hài lòng	23,3
Hài lòng	58,4
Tạm hài lòng	15,9
Không hài lòng	2,3

IV. Nhận xét chung

1. Về Mục tiêu và chương trình đào tạo

Các chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành được sinh viên đánh giá cao, chiếm 88,5% (trong đó 30,5% hoàn toàn đồng ý, 58% đồng ý), đáp ứng mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội. Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Chuẩn đầu ra phù hợp, đảm bảo năng lực làm việc sau khi tốt nghiệp, cũng như tham gia học tập và nghiên cứu khoa học tại các chương trình sau đại học.

2. Về Đội ngũ giảng viên

Hầu hết các GV được đánh giá có trình độ chuyên môn tốt, có phương pháp giảng dạy khoa học, thực hiện tốt đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm (chiếm 91,4%). Các GV rất nhiệt tình hướng dẫn sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn và kiến thức với SV, luôn động viên, thúc đẩy, tạo điều kiện để SV học tập, nghiên cứu và rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết.

3. Kiểm tra, đánh giá

Đa số sinh viên đánh giá việc thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá ở mức độ cao, chiếm 80,7% từ mức đồng ý trở lên.

4. Đáp ứng của khóa học

SV tự đánh giá kết quả đào tạo của nhà trường có thể giúp SV có đầy đủ những kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp, ứng dụng được kỹ năng và kiến thức vào thực tiễn đáp ứng được các công việc khác nhau (88,5% đánh giá ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý).

5. Quản lý và phục vụ đào tạo

SV đánh giá các điều kiện hỗ trợ học tập như CSVC, mạng internet, chất lượng phục vụ của nhà trường tương đối cao (79,2% đánh giá ở mức đồng ý trở lên).

Tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu của sinh viên còn thấp, chỉ 69% ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Do đó, nhà trường và giảng viên cần đầu tư hơn nữa trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy để phù hợp với phương pháp giảng dạy trong thời đại mới.

6. Sinh hoạt và đời sống

SV đánh giá về các điều kiện sinh hoạt và hỗ trợ đời sống ở mức cao, chiếm 81,9% đánh giá ở mức đồng ý trở lên. Điều này cho thấy Nhà trường đã có sự quan tâm và hỗ trợ nhất định đến đời sống tinh thần và vật chất của SV.

V. Kết luận:

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn các tiêu chí đưa ra được SV đánh giá ở mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”. Tuy nhiên, cũng còn nhiều ý kiến thể hiện sự không phù hợp của quá trình đào tạo mà các khoa, phòng ban, trung tâm và các đơn vị liên quan cần điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp.

Để nâng cao chất lượng môn học, khắc phục những hạn chế, phát huy những điểm tích cực mà SV đã có ý kiến, Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục đề nghị các đơn vị một số nội dung sau:

- + Các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng kế hoạch triển khai của Nhà trường;
- + Các Khoa/Bộ môn cần lắng nghe ý kiến phản hồi của SV để điều chỉnh cho phù hợp;
- + Các Khoa nên có những lớp/buổi định hướng chuyên ngành, nghề nghiệp sớm hơn cho sinh viên với nhiều chia sẻ thực tế, đồng thời phối hợp với Phòng Công tác SV, Phòng KHCN&QHĐN, Phòng Đào tạo tổ chức các khóa tập huấn/hội thảo liên kết quốc tế, chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài... để SV có cơ hội giao lưu, học hỏi, và nâng cao trình độ ngoại ngữ;
- + Ngoài chương trình đào tạo chung, các Khoa/Bộ môn nên dạy thêm những kỹ năng mềm cho sinh viên: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng khai thác và xử lý thông tin, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu... vì sau khi ra trường bên cạnh kiến thức chuyên môn thì kỹ năng mềm cũng là yếu tố quan trọng để các em tìm được công việc tốt. *NP*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: KTĐBCL&TTGD.

TP. KTĐBCL&TTGD



Lê Thị Phụng